

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định và bà Nguyễn Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn T từ ngày 02/01/2008 trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống ngay từ những việc sinh hoạt thường ngày cũng như trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không còn sự tin tưởng ở nhau, không khí gia đình ngột ngạt, mâu thuẫn kéo dài không được cải thiện, hai bên gia đình cũng như vợ chồng cũng đã hàn gắn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, bởi vậy đến tháng 11/2019 chị đã về nhà đẻ sống, vợ chồng chấm dứt quan hệ không còn quan tâm đến nhau. Kể từ khi ly thân

anh T đã nhiều lần sang nhà để đón chị về đoàn tụ, nhưng do chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T được nữa, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 10/04/2009 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/05/2015. Hiện cả hai cháu đều phát triển khỏe mạnh và đang sống cùng anh T. Nay ly hôn tôi đề nghị được nuôi cả hai cháu và không đề nghị anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị N không có yêu cầu đề nghị nào khác.

** Tại các lời khai bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N từ ngày 02/01/2008 trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi kết hôn chị N về chung sống cùng anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống thường ngày, xong anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N, đến khoảng tháng 02/2019 chị N đã tự ý bỏ nhà đi, đến tháng 10/2019 quay về nhưng cũng chỉ được ít hôm thì lại bỏ đi, bản thân anh và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không có kết quả và vợ chồng ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Kể từ khi ly thân anh đã sang nhà để đón chị N nhiều lần nhưng chị N kiên quyết không về. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng do vậy đề nghị chị N quay về sống đoàn tụ và anh mong muốn Tòa án hoà giải để vợ chồng về sống đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị N, bởi vậy nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng không đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh V, sinh ngày 10/04/2009 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/05/2015. Hiện cả hai cháu đều phát triển khỏe mạnh và đang sống cùng anh. Trong trường hợp ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con để hai cháu sống có anh có em không phải xa nhau. Vì từ trước đến giờ các con do anh chăm sóc, anh hoàn toàn có đủ điều kiện chăm sóc để chăm sóc các con có cuộc sống tốt nhất. Nếu được nuôi cả hai con anh tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản, vay nợ và ruộng đất: Anh không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Chị N, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn T tiếp tục trực tiếp con Phạm Minh V, sinh ngày 10/04/2009, chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/05/2015.

Về cấp dưỡng nuôi: Do các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, vay nợ và ruộng đất: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04 tháng 02 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T đã đến Tòa án làm việc và thực hiện viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị N và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tuy nhiên ngày 10 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhận đơn đề nghị hoãn phiên tòa của anh T với lý do để anh tham gia phiên tòa tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ, xong tại phiên tòa anh T không có mặt và không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng vào ngày 02/01/2008 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2017 đến nay, nguyên nhân chị N cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt thường ngày cũng như trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau dẫn đến mất niềm tin ở nhau, mâu thuẫn kéo dài không được cải thiện, hai bên gia đình cũng như vợ chồng cũng đã hàn gắn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh T cho rằng vợ chồng không hợp nhau dẫn đến xảy ra cãi nhau, điều đó thể hiện vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị

N cũng như anh T xác nhận đã cùng gia đình hai bên hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng đều không có kết quả, sau khi ly thân tháng 11/2019 anh T đến gia đình để đón chị N về sống đoàn tụ nhưng chị N không quay về để đoàn tụ vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, phía chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy gay gắt, trầm trọng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, do vậy chị không còn một chút tình cảm vợ chồng với anh T. Bản thân anh T xác nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng anh T cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, bản thân anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N do vậy anh không đồng ý ly hôn và mong muốn chị N quay về sống đoàn tụ. Quá trình làm việc Toà án, ngoài phương pháp tự hoà giải cũng như đề nghị Toà án hoà giải nhiều lần, anh T không đưa ra được phương pháp nào khác để tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu của chị N là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N, anh T xác nhận vợ chồng 02 con là Phạm Minh V, sinh ngày 10/04/2009 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/05/2015. Hiện cả hai cháu đang sống cùng anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N, anh T đều có nguyện vọng nuôi hai con, nếu không được nuôi hai con thì chị N xin được nuôi cháu Phạm Quỳnh A. Xét thấy: Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con thì anh, chị đều có điều kiện như nhau, tuy thực tế chị N xác nhận anh T chăm sóc nuôi dưỡng các con đảm bảo, xong chị có nguyện vọng được nuôi con, để đảm bảo quyền nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con cái, Hội đồng xét xử thấy: Cháu Phạm Minh V có nguyện vọng được sống cùng anh T, cháu Phạm Quỳnh A còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, do vậy để có điều kiện nuôi dưỡng các con phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần thấy cần thiết giao mỗi người nuôi một con, cụ thể: Giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ, chị N nuôi dưỡng cháu Anh là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vũ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T không đặt thành yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ và ruộng đất: Các bên đương sự không đặt thành yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/05/2015, anh Phạm Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Phạm Minh V, sinh ngày 10/04/2009.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, (Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0004190 ngày 04/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Định – Nguyễn Thị Tín

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND TT Nham Biền, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Tân Thịnh

